

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SCT-TT

Đồng Nai, ngày tháng năm

V/v thực hiện tiếp nhận và trả kết quả
thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền
giải quyết của Sở Công Thương.

Kính gửi:

- Các sở, ban ngành;
- UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa;
- Tổng Đài 1022;
- Bưu Điện tỉnh;
- Báo Đồng Nai;
- Đài phát thanh truyền hình Đồng Nai;
- Các doanh nghiệp thuộc ngành công thương.

Thực hiện chỉ đạo của chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 1806/UBND-HCC ngày 22/02/2022 về việc kiện toàn nhân sự tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, theo đó UBND tỉnh chấp thuận cho Sở Công Thương rút nhân sự trực tại Trung tâm Hành chính công tỉnh về sở để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ cho tổ chức, cá nhân từ ngày **15/03/2022**. Để thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong việc nộp hồ sơ và nhận kết quả đối với các thủ tục hành chính ngành công thương sau ngày 15/03/2022, Sở Công Thương thông báo đến các Sở, ban, ngành và đơn vị, tổ chức, cá nhân một số nội dung về việc tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính ngành công thương như sau:

1. Kể từ ngày 16/3/2022, Sở Công Thương rút nhân sự chính trực tại Trung tâm Hành chính công của tỉnh về trụ sở cơ quan để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.

- Khuyến nghị tổ chức cá nhân thực hiện thủ tục trên môi trường điện tử đối với toàn bộ thủ tục cấp độ 3, 4 thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.

- Việc nộp hồ sơ trực tuyến qua môi trường điện tử các tổ chức, cá nhân có thể truy cập vào trang <https://dichvucong.dongnai.gov.vn> để thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của Sở như sau:

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Mức độ DVC
I	Lĩnh vực Xúc tiến thương mại	
1	Thông báo hoạt động khuyến mại	4
2	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	4
3	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh thành phố thuộc Trung ương	4
4	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh thành phố thuộc Trung ương	4
5	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	4
6	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức Hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	4
II	Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp	
7	Cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	4
8	Cấp lại giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	4
9	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn Vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	4
10	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn Vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	4
11	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	4
12	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	4
13	Thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	4

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Mức độ DVC
III	Lĩnh vực Hóa chất	
14	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	4
15	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong công nghiệp	4
16	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong công nghiệp	4
17	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong công nghiệp	4
18	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong công nghiệp	4
19	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong công nghiệp	4
IV	Lĩnh vực An toàn thực phẩm	
20	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	4
21	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	4
V	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	
22	Cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	4
23	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	4
24	Cấp lại giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	4
25	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	4
26	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	4

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Mức độ DVC
27	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	4
28	Cấp giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	4
29	Cấp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	4
30	Cấp lại giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	4
31	Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	4
32	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	4
33	Cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	4
34	Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	4
35	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	4
36	Cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	4
37	Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	4
38	Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	4
VI	Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng	
39	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	4
40	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	4
41	Cấp lại giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	4

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Mức độ DVC
42	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	4
43	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	4
44	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	4
45	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	4
46	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	4
47	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	4
VII	Lĩnh vực Kinh doanh khí	
48	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	4
49	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	4
50	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	4
51	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	4
52	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	4
53	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	4
54	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	4
55	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	4

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Mức độ DVC
56	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	4
57	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	4
58	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	4
59	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	4
60	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	4
61	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	4
62	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	4
63	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	4
64	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	4
65	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	4
66	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	4
67	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	4
68	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	4
69	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	4
70	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	4
71	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	4

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Mức độ DVC
VIII	Lĩnh vực Quản lý cạnh tranh	
72	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	4
73	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	4
74	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	4
75	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	4
76	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	4
IX	Lĩnh vực Dịch vụ Thương mại	
77	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	4
78	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	4
X	Lĩnh vực Thương mại Quốc tế	
79	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	4
80	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	4
81	Cấp gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	4
82	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	4
83	Chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	4
84	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa	4

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Mức độ DVC
85	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	4
86	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	4
87	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	4
88	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	4
89	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	4
90	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ” được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.	4
91	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	4
92	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	4
93	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	4
94	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ²	4
95	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	4

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Mức độ DVC
96	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	4
97	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	4
98	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	4
99	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	4
XI	Lĩnh vực Điện	
100	Cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	4
101	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	4
102	Cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03 mw đặt tại địa phương	4
103	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát điện đối với các nhà máy điện có quy mô công suất dưới 3 mw đặt tại địa phương	4
104	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kv tại địa phương	4
105	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kv tại địa phương	4
106	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kv tại địa phương	4
107	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kv tại địa phương	4
108	Cấp thẻ kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	4
109	Cấp lại thẻ kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	4
XII	Lĩnh vực An toàn đập, hồ chứa Thủy điện	

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Mức độ DVC
110	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	4
111	Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	4
112	Thẩm định phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	4
113	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	3
114	Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện	3
XIII	Lĩnh vực Công nghiệp nặng	
115	Cấp giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm Công nghiệp hỗ trợ thuộc danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa	3
XIV	Lĩnh vực Công nghiệp địa phương	
116	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh	3

Quá trình thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến và nhận kết quả gặp khó khăn, vướng mắc cần được hỗ trợ tổ chức, cá nhân liên hệ với cán bộ, công chức sau:

- Ông Lục Văn Thủy- Trưởng phòng Quản lý Thương mại- Số điện thoại: **0913.316.716** phụ trách lĩnh vực: Xăng dầu; Kinh doanh khí; Xúc tiến Thương mại; Quản lý cạnh tranh; Thương mại quốc tế; Bán buôn sản phẩm thuốc lá; Dịch vụ Thương mại.

- Bà Nguyễn Hoàng Quyên- Trưởng phòng Quản lý Công nghiệp- Số điện thoại: **0902.980.038** phụ trách lĩnh vực: An toàn thực phẩm; Vật liệu nổ công nghiệp; Công nghiệp tiêu dùng; Công nghiệp nặng; Trồng cây thuốc lá; Mua bán nguyên liệu thuốc lá.

- Ông Trần Minh Đạt- Trưởng phòng Kỹ thuật và Quản lý Năng lượng- Số điện thoại: **0918.885.808** phụ trách lĩnh vực: Điện, Năng lượng; Hóa chất; Sản xuất khí; An toàn đập, hồ chứa thủy điện.

2. Do không còn nhân sự ở Trung tâm Hành chính công của tỉnh, đồng thời để tiết kiệm thời gian, giảm chi phí đi lại cho tổ chức, cá nhân, Sở Công Thương sẽ không nhận hồ sơ trực tiếp. Sở Công Thương khuyến nghị đối với những thủ tục có thành phần hồ sơ phức tạp không thể thực hiện trên môi trường mạng thì tổ chức, cá nhân thực hiện qua đường Bưu chính công ích (Bưu điện). Tổ chức, cá nhân có thể tra cứu, tìm hiểu thành phần hồ sơ trên cổng <https://dichvucong.dongnai.gov.vn> hoặc trên trang thông tin điện tử của Sở Công Thương tại địa chỉ <https://sct.dongnai.gov.vn> và cho vào bì thư hồ sơ, trên bì thư hồ sơ bắt buộc ghi rõ:

- Thông tin nơi gửi:

- + Tên tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ
- + Địa chỉ của tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ
- + Số điện thoại liên hệ
- + Cách thức nhận kết quả
- + Thông tin khác (nếu có)

- Thông tin nơi nhận:

+ Bộ phận một cửa Sở Công Thương Đồng Nai, địa chỉ: số 2, lầu 4, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai.

3. Việc đóng phí, lệ phí các tổ chức, cá nhân có thể đóng phí/lệ phí qua tài khoản số: **1023886973** tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Đồng Nai. Tên tài khoản SO CONG THUONG DONG NAI.

4. Quá trình thực hiện thủ tục tổ chức, cá nhân nếu có những nội dung cần phản ánh, kiến nghị đề nghị tổ chức cá nhân liên hệ tổng đài 0251. 1022 hoặc số điện thoại: 0918.308.333 (A. Phương) hoặc số điện thoại: 0918.299.298 (A. Huy) để được giải đáp kịp thời.

Sở Công Thương trân trọng thông báo đến các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh việc tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm HCC tỉnh;
- BLĐ sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc sở (th/h);
- Lưu: VT, TT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Trí Phương